

UBND XÃ CỒN TIÊN
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VHXH-TT

Cồn Tiên, ngày

tháng 12 năm 2025

Về việc tuyên truyền, khuyến khích nộp
hồ sơ trực tuyến đối với các Dịch vụ
công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải
quyết của Sở Y tế và UBND cấp xã trên
địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn xã;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các thôn trên địa bàn.
- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Hiện nay, Sở Y tế đã xây dựng và công khai cung cấp 151 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của các thủ tục hành chính (65 DVCTT toàn trình và 86 DVCTT một phần), trong đó có 61 thủ tục hành chính có thực hiện thanh toán trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tại Cổng dịch vụ công Quốc gia (*có Phụ lục chi tiết kèm theo công văn*).

Nhằm nâng cao tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến, góp phần thực hiện chỉ tiêu cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến năm 2025. Phòng Văn hóa – Xã hội thông báo đến các phòng ban chuyên môn, các cơ quan, đơn vị các thôn, tổ chức, cá nhân quan tâm tìm hiểu, tuyên truyền và khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> (*xem hướng dẫn nộp hồ sơ tại Công văn hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ đính kèm theo công văn này*)).

Trong quá trình đăng ký và sử dụng dịch vụ công trực tuyến nếu có khó khăn, vướng mắc vui lòng liên hệ địa chỉ sau để được hướng dẫn, hỗ trợ: Bộ phận Một cửa của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; địa chỉ: Cơ sở 1: Số 96 đường Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị; Điện thoại: 0232.3812.812; Cơ sở 2: Số 45 Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Điện thoại: 0233.3636.992.

Phòng Văn hóa – Xã hội trân trọng thông báo đến các tổ chức, cá nhân được biết và quan tâm sử dụng dịch vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT.UBND xã
- Lưu: VT, PVHXH.

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Hùng

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ MỘT PHẦN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ VÀ UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Công văn số /VHXX-TT ngày /12/2025 của phòng Văn hóa – Xã hội)

TT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	Mã số TTHC	Địa chỉ truy cập	DVCTT thực hiện thanh toán trực tuyến	Mức độ DVCTT
I	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh				
1.	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012289.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
2.	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012290.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
3.	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012291.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
4.	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1.012292.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
5.	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	1.012276.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần

6.	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	1.012256.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
7.	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012271.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
8.	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012272.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
9.	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012273.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
10.	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012278.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
11.	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012280.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
12.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1.012279.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
13.	Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	1.012281.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
14.	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	1.012257.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
15.	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	1.012258.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
16.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012260.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
17.	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	1.012261.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình

18.	Đăng ký hành nghề	1.012275.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
19.	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1.012262.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
20.	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	1.006780.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
II	Lĩnh vực Y dược cổ truyền				
21.	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đôi tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	1.012415.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
22.	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đôi tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	1.012416.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
23.	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	1.012417.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
24.	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012418.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
25.	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	1.012419.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
26.	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	1.009407.H 50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
III	Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Cấp tỉnh)				
27.	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.	1.013845.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
IV	Lĩnh vực Đào tạo và Nghiên cứu khoa học (Cấp tỉnh)				
28.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	1.013824.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần

29.	Thủ tục công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh	1.004539.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
V	Lĩnh vực Dược phẩm, mỹ phẩm (Cấp tỉnh)				
30.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	1.014092.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
31.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	1.014099.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
32.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	1.014100.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
33.	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	1.014101.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
34.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.014087.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
35.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003055.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
36.	Cấp sổ tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	1.002600.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT toàn trình
37.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	1.002483.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT toàn trình
38.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003064.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần

39.	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	1.014069.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
40.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	1014105.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
41.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	1.014090.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
42.	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	1.014102.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
43.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.000990.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
44.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	1.000793.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
45.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1.000662.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
46.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	1.003073.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
47.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	1.009566.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT toàn trình
48.	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán	1.014104.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần

	buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)				
49.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.014076.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
50.	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	1.014078.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
51.	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	1.002238. H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
52.	Cung cấp thuốc phóng xạ	1.001396.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
53.	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ; Kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	1.014203.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
54.	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT.	1.003068. H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
VI	Lĩnh vực Phòng bệnh (Cấp tỉnh)				
55.	Thủ tục công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	1.003580.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình

56.	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	2.000655.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
57.	Thủ tục xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng	1.001386.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
58.	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	1.013869.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
59.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	1.013.873.H50		Không	DVCTT Toàn trình
60.	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	1.013879.H50		Không	DVCTT Toàn trình
61.	Thủ tục Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	1.013878.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
62.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	1.013884.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
63.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	1.013893.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
64.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	1.013865.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
65.	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002944.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Toàn trình
66.	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1.002467.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Toàn trình
67.	Công bố đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.004062.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Toàn trình
68.	Công bố đủ điều kiện thực hiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.004070.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Toàn trình

69.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002564.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Toàn trình
70.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1.001189.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
71.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	1.001178.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
72.	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	1.001114.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
73.	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013866.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
74.	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013874.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
75.	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013887.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
76.	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013891.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
77.	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013895.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
78.	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013867.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
79.	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	1.013868.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
80.	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013870.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần

81.	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013872.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
82.	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	1.013875.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
83.	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	1.013880.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
84.	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	1.013881.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
85.	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	1.013883.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
86.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	1.013886.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
87.	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	1.013889.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Một phần
88.	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.013892.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
89.	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	1.013896.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
90.	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	1.013898.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
91.	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lại bản công bố hợp quy, cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	1.013894.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần

92.	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	1.013036.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
93.	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	1.013037.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Một phần
94.	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	1.013034.000. 00.00.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
95.	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	1.013035.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT Toàn trình
VII	Lĩnh vực An toàn thực phẩm (Cấp tỉnh)				
96.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	1.013838.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
97.	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS)	1.013847.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
98.	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	1.013851.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Toàn trình
99.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế	1.013855.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
100.	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.013858.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT toàn trình
101.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.013862.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT Toàn trình

102.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.013857.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
103.	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.013854.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
104.	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	1.013850.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
105.	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	1.013844.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
106.	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	1.013841.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
107.	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	1.013829.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
VIII	Lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS (Cấp tỉnh)				
108.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.013864.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
109.	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	1.013860.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình

IX	Lĩnh vực Quản lý môi trường y tế (Cấp tỉnh)				
110.	Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.013890.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
X	Lĩnh vực trang thiết bị y tế (cấp tỉnh)				
111.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	3.000448.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
112.	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	3.000447.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
113.	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	3.000449.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT một phần
114.	Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế	1.003006.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT toàn trình
115.	Công bố đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	1.003039.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT toàn trình
116.	Công bố tiêu chuẩn áp dụng Sở Y tế đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B:	1.003029.H50	https://dichvucong.gov.vn	Có	DVCTT toàn trình
XI	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
XI.1	TTHC cấp tỉnh				
117.	Thủ tục công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	1.001806.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
118.	Thủ tục dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	2.000477.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
119.	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000282.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình

120.	Thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập.	2.000056.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
121.	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	2.000056.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
122.	Thủ tục cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	1.013817.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
123.	Thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	1.013820.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
124.	Thủ tục đăng ký thành lập hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	1.012993.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
125.	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	1.012990.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
XI.2	TTHC cấp xã				
126.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1.001776.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
127.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
128.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
129.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1.014027.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
130.	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1.014028.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
131.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình

132.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
133.	Quy trình thực hiện thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào trợ giúp xã hội	2.000286.H50			DVCTT toàn trình
XII	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng (cấp tỉnh)				
134.	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” (cấp tỉnh, xã)	1.012422.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
135.	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng (cấp tỉnh)	1.009346.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
136.	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền (cấp tỉnh)	1.009249.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
XIII	Lĩnh vực Tổ chức cán bộ (cấp tỉnh)				
137.	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	1.013876.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
138.	Bỏ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	1.013871.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
XIV	Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (cấp xã)				
139.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	2.001088.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
XV	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội				
XV.1	TTHC cấp tỉnh				
140.	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	1.014010.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
141.	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	1.014011.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
142.	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000025.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần

143.	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2.000027.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
144.	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	1.000091.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
XV.2	TTHC liên thông cấp tỉnh, cấp xã				
145.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2.001661.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT một phần
XVI	Lĩnh vực trẻ em				
XVI.1	TTHC cấp tỉnh, xã				
146.	Thủ tục Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004.946.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
147.	Thủ tục Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004.944.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
XVI.2	TTHC cấp xã				
148.	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001.947.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
149.	Thủ tục Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1.004.941.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
150.	Thủ tục Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001.944.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình
151.	Thủ tục Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2.001.942.H50	https://dichvucong.gov.vn	Không	DVCTT toàn trình